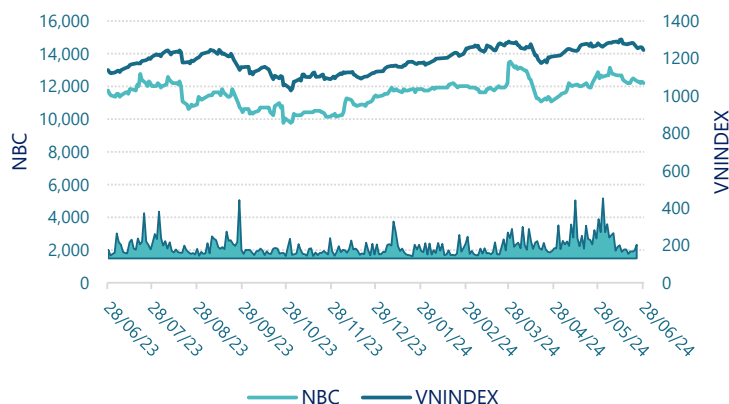


CTCP Than núi Béo - Vinacomin (HNX: NBC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 28/06/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	12,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,527
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,770
SL cổ phiếu LH	36,999,124
KLGD BQ 20 phiên (CP)	228,580
% sở hữu nước ngoài	5.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	451
P/E	4.5
EPS	2,713

DT thuần

Q2/24

755

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 174 | 30.0%

YoY: ▼ 215 | -22.1%

LN sau thuế

Q2/24

16.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.00 | 6.3%

YoY: ▼ 6.40 | -27.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

5.8%

+/- YoY: ▼ 1.0%

DT thuần

6T 2024

1,337

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 469 | -26.0%

LN sau thuế

6T 2024

32.6

tỷ VNĐ

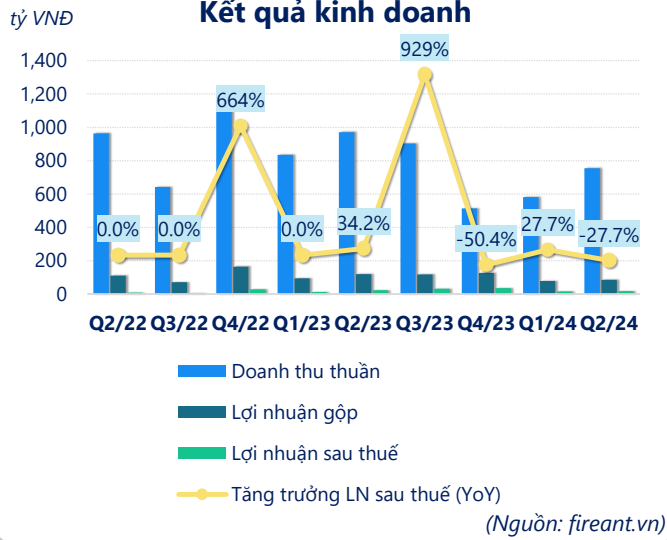
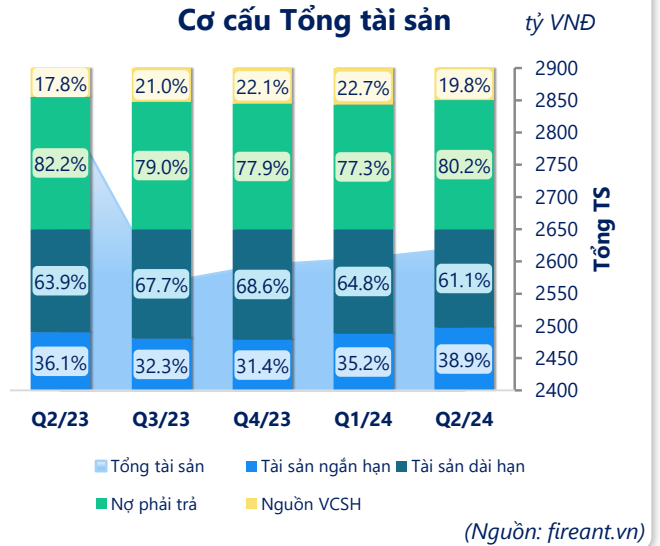
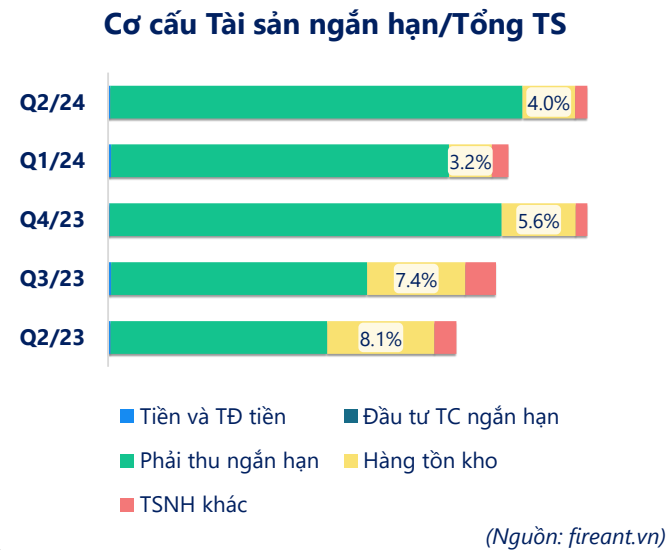
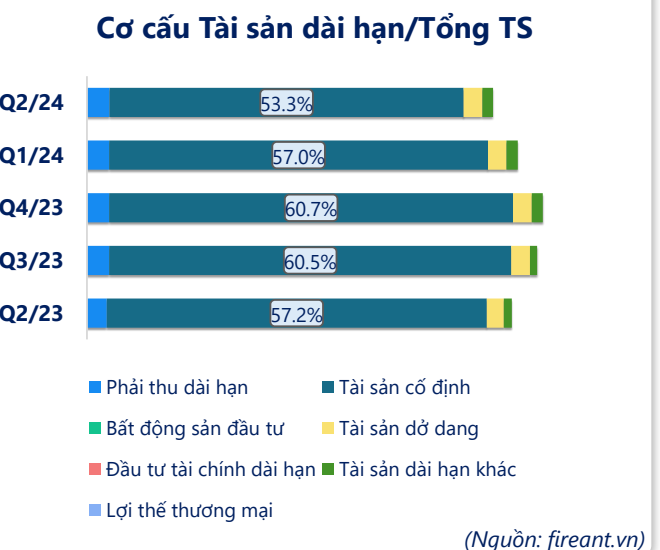
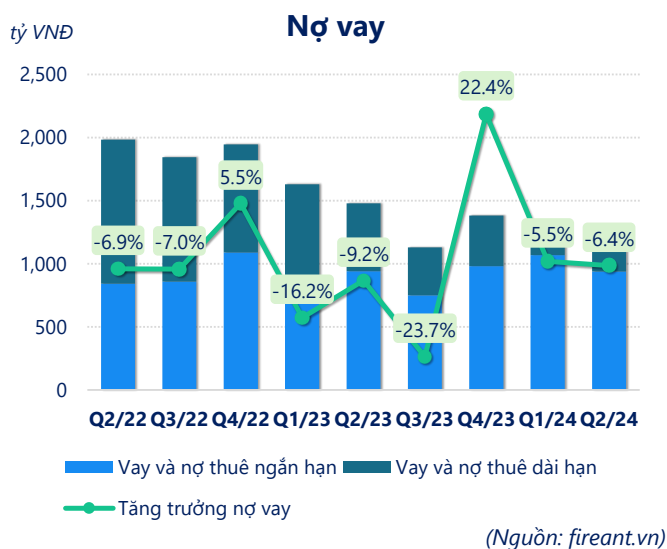
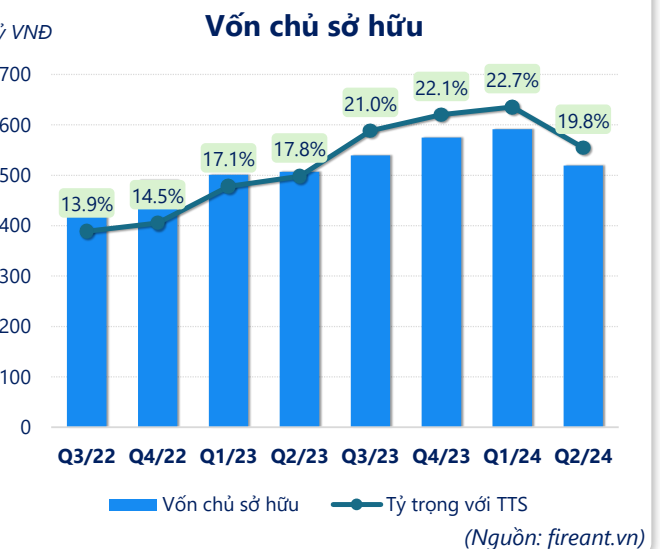
YoY: ▼ 3.00 | -8.4%

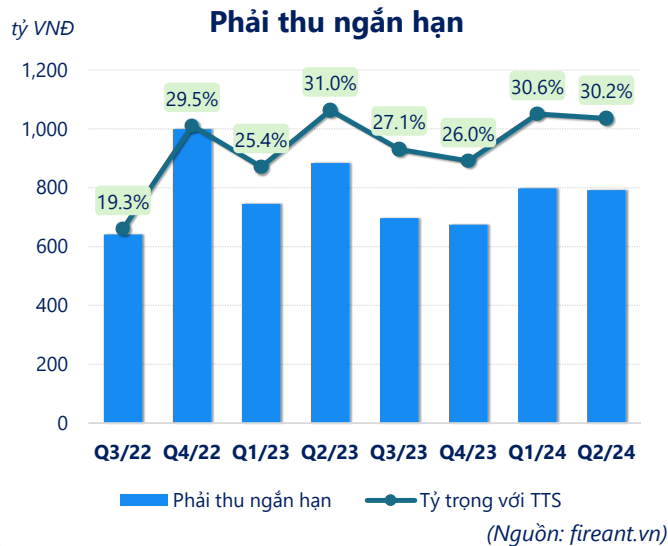
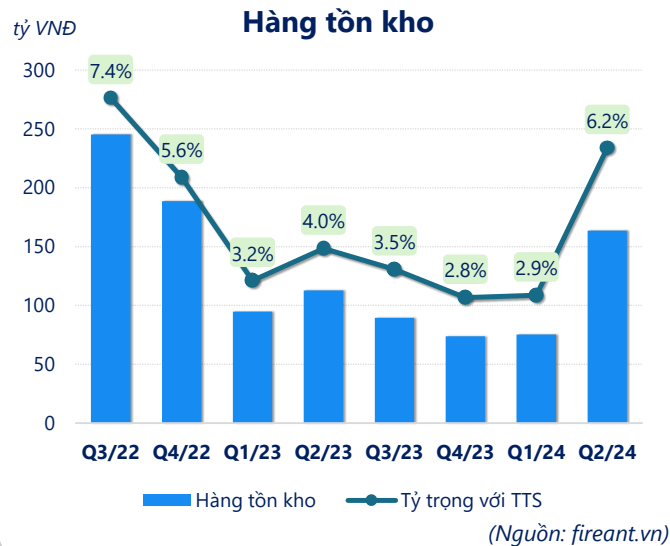
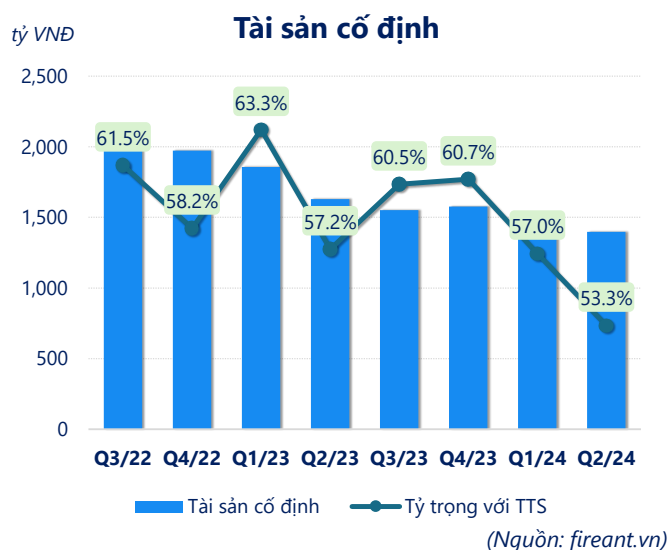
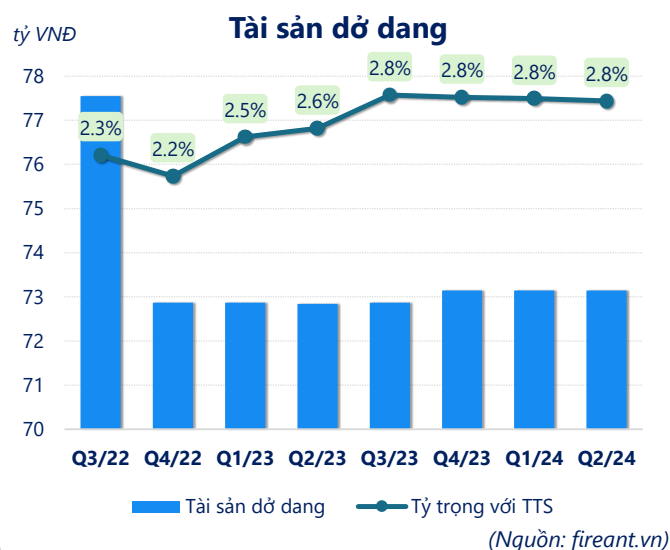
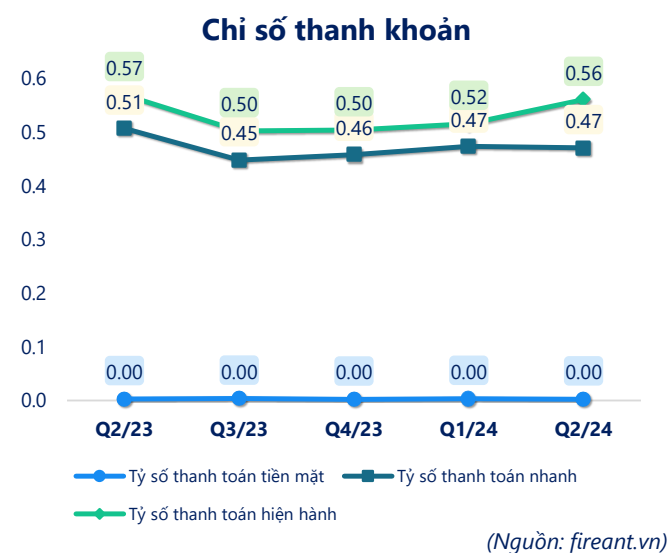
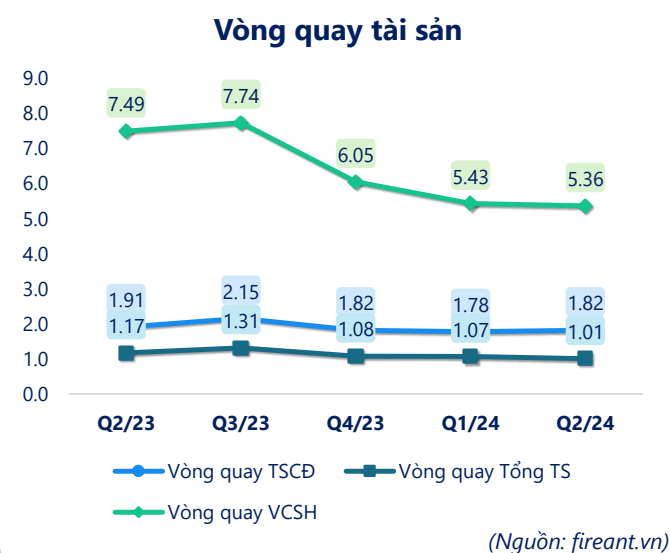
ROE

Q2/24

19.6%

+/- YoY: ▲ 5.5%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	2,850	2,566	2,595	2,604	2,621
Tài sản ngắn hạn	1,028	828	815	916	1,019
Tiền và tương đương tiền	5.18	6.18	3.28	5.99	4.28
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	884	696	674	798	792
Hàng tồn kho	113	89.5	73.8	75.4	164
Tài sản ngắn hạn khác	26.2	35.7	63.8	36.7	59.9
Tài sản dài hạn	1,822	1,738	1,780	1,688	1,602
Phải thu dài hạn	84.5	85.8	87.0	87.5	88.8
Tài sản cố định	1,630	1,552	1,576	1,483	1,397
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	72.8	72.9	73.1	73.1	73.1
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	35.0	27.6	43.2	44.0	43.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,343	2,027	2,020	2,013	2,102
Nợ ngắn hạn	1,805	1,648	1,618	1,776	1,819
Vay và nợ thuê ngắn hạn	941	750	980	1,069	939
Phải trả người bán ngắn hạn	273	348	407	348	332
Nợ dài hạn	538	379	402	237	283
Vay và nợ thuê dài hạn	537	379	402	237	283
Nguồn vốn chủ sở hữu	507	539	574	591	519
Vốn chủ sở hữu	507	539	574	591	519
Vốn điều lệ	370	370	370	370	370
Kinh phí và quỹ khác	0.02	0.02	0.02	0.02	0.02

(Nguồn: fireant.vn)